

Bản án số: 104/2023/DS-PT
Ngày 27 - 6 - 2023
V/v Tranh chấp phân di sản
chia thừa kế.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Trung.

Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:** Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp phân chia di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2023/DS-PT ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/202/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Trịnh Trạch H**, sinh năm 1947 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

1. Bà **Cao Thị C**, sinh năm 1954 (vắng mặt).

2. Chị **Trịnh Y H1**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

3. Anh **Trịnh Tam H2**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

4. Anh **Trịnh Giới B**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

5. Anh **Trịnh Giới Đ**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **Số D đường G Hồ N, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

6. Bà Cao Thị H3, sinh năm 1956 (có mặt).

7. Anh Trịnh Giới H4, sinh năm 1986 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số B L, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh Trịnh Giới H4: Luật sư Lý Đông C1 - Văn phòng L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

8. Chị Trịnh Y T, sinh năm 1981; địa chỉ: C Tổ F, KP1, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

9. Anh Trịnh Giới P, sinh năm 1989; địa chỉ: Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

10. Anh Trịnh Giới T1, sinh năm 1995; địa chỉ: Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: U Citylanh D rosa, P1 del palmar-Makati City, P2 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Cao Thị C, bà Cao Thị H3, anh Trịnh Tam H2, anh Trịnh Giới B, anh Trịnh Giới Đ, chị Trịnh Y T, anh Trịnh Giới P và anh Trịnh Giới T1: Anh Trịnh Giới H4, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số B L, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Triệu Bình T2, sinh năm 1952; địa chỉ: Số nhà C đường T, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Triệu Bình L, sinh năm 1948 (có mặt).

2. Ông Triệu Pên X, sinh năm 1962 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà A đường Đ, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Triệu Thị P3, sinh năm 1951. Địa chỉ: Số nhà I đường B, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Ông Ngô Văn S, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số nhà C đường T, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người kháng cáo: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Trịnh Giới H4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trịnh Giới H4 – người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn

và tại phiên tòa, Luật sư **Ngụy Cao K** – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh **Trịnh Giới H4** - người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, đồng thời anh **H4** cũng là người đại diện theo ủy quyền cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Bà **Cao Thị C**, bà **Cao Thị H3**, anh **Trịnh Tam H2**, anh **Trịnh Giới B**, anh **Trịnh Giới Đ**, chị **Trịnh Y T**, anh **Trịnh Giới P** và anh **Trịnh Giới T1** trình bày:

Ông bà ngoại của ông **Trịnh Trạch H** là cụ **Triệu C2** (chết năm 1965) và cụ **Châu Thị C3** (chết năm 1985). Cụ **C2** và cụ **C3** có tất cả 4 người con gồm:

1. **Triệu Minh L1** (chết năm 1995) có 04 người con: **Triệu Bình Thụ**, **Triệu Bình L**, bà **Triệu Thị P3** và ông **Triệu Pên X**.
2. **Triệu Khả T3**, sinh năm 1929 (chết năm 2011) không có chồng con.
3. **Triệu Khả T4**, sinh năm 1932 (chết năm 1990) không có chồng con.
4. **Triệu Khả L2**, sinh năm 1925 (chết năm 2008) có 01 người con là **Trịnh Trạch H** (ông **H** chết ngày 18/01/2022). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho ông **H**: Bà **Cao Thị C**, bà **Cao Thị H3**, chị **Trịnh Y H1**, anh **Trịnh Tam H2**, anh **Trịnh Giới B**, anh **Trịnh Giới Đ**, chị **Trịnh Y T**, anh **Trịnh Giới P**, anh **Trịnh Giới H4** và anh **Trịnh Giới T1**.

Lúc sinh thời, cụ **C2** và cụ **C3** có tạo lập được tài sản là phần đất diện tích 281,5m² thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 73 tọa lạc số 32 **đường T, Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**, hiện thửa đất vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản này các cụ chưa có chia cho ai và cũng không để lại di chúc. Căn nhà và đất nêu trên, bà **Triệu Khả L2** (mẹ của ông **Trịnh Trạch H**) quản lý và sử dụng. Năm 2011, gia đình ông **H** chuyển lên Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống làm ăn. Tại thời điểm này, ông **Triệu Bình T2** (con của ông **Triệu Minh L1**) tự ý vào sử dụng. Năm 2015, ông **H** khởi kiện tranh chấp tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất với ông **T2** đã được Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu và Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông **H** và công nhận tài sản tranh chấp căn nhà và đất nêu trên là tài sản thừa kế của cụ **C2** và cụ **C3** để lại cho các đồng thừa kế là **Triệu Minh L1**, **Triệu Khả T3**, **Triệu Khả T4** và **Triệu Khả L2**. Tuy nhiên, đối với **Triệu Khả T4** và **Triệu Khả T3** đã chết và không có chồng con. Chỉ có **Triệu Minh L1** (đã chết năm 1995) nhưng có 04 người con là: **Triệu Bình L**, **Triệu Bình T2**, **Triệu Thị P3**, **Triệu Pên X** và **Triệu Khả L2** (đã chết năm 2008) nhưng có người con là **Trịnh Trạch H**. Do đó, anh **Trịnh Giới H4** yêu cầu được chia di sản nêu trên là căn nhà và phần diện tích 281,5m² thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc số 32 **đường T, Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng** với giá trị 3.000.000.000 đồng theo quy định của pháp luật, anh **H4** xin nhận hiện vật và hoàn lại giá trị cho

những người còn lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Triệu Bình T2 trình bày:

Căn nhà gắn liền với diện tích đất tại thửa số 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại số C đường T, Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc trước đây là của ông Triệu C2 và bà Châu Thị C3 (ông C2 và bà C3 là ông bà nội của bị đơn và là ông bà ngoại của nguyên đơn) để lại. Sau khi ông C2 và bà C3 chết thì cha của ông T2 là ông Triệu Minh L1 (chết năm 1995) tiếp tục quản lý, sử dụng. Sau này bà Triệu Khả L2 (em ruột ông L1) từ Thành phố Hồ Chí Minh về ở tạm trong căn nhà này cùng với ông L1. Sau khi ông L1 và bà L2 chết, căn nhà và đất gắn liền với thửa số 47 nêu trên là tài sản chung của các anh em bao gồm: Triệu Bình T2, Triệu Bình L, Triệu Pén X, Triệu Thị P3 và Trịnh Trạch H.

Đối với căn nhà gắn liền với thửa đất nêu trên ông đã trực tiếp quản lý sử dụng từ xưa đến giờ. Ông sống tại địa chỉ này và có hộ khẩu tại đây từ nhỏ đến lớn. Năm 2000, ông có chuyển lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống để tiện cho việc làm ăn. Sau khi bà Triệu Khả T3 chết (năm 2011) thì nhà đất ông bà bỏ lại trống, không ai quản lý giữ gìn nên ông đã chuyển về lại sinh sống tại căn nhà trên. Đến cuối năm 2011, ông H cho rằng căn nhà và đất nêu trên của ông bà để lại cho mẹ của ông là bà Triệu Khả L2 nên phát sinh tranh chấp và từ năm 2011 cho đến nay ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà và đất nêu trên cho đến nay. Ông nhận thấy công lao quản lý, giữ gìn khối tài sản trên là rất lớn, nếu không có ai trông coi, quản lý thì khối tài sản này không còn nguyên vẹn như thời điểm hiện tại. Thời điểm ông H còn sống thì ông H sống trên Thành phố Hồ Chí Minh, ông H không có bất kỳ sự đóng góp nào vào khối tài sản trên.

Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét cho ông được hưởng công lao quản lý, giữ gìn khối tài sản là 10% của giá trị tài sản 3.000.000.000 đồng, còn lại 90% giá trị tài sản thì chia đều cho 05 người bao gồm: Triệu Bình T2, Triệu Bình L, Triệu Pén X, Triệu Thị P3 và Trịnh Trạch H thành 05 phần bằng nhau. Đồng thời, ông xin nhận hiện vật và hoàn lại giá trị cho những người còn lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Bình L và Triệu Pén X trình bày:

Các ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bị đơn ông Triệu Bình T2, thống nhất với giá trị di sản căn nhà và đất có tổng giá trị là 3.000.000.000 đồng. Các ông yêu cầu Tòa án xem xét công quản lý, giữ gìn khối tài sản cho ông T2 tương đương 10% giá trị tài sản phân chia, còn lại 90% thì chia đều cho 05 người: Triệu Bình T2, Triệu Bình L, Triệu Pén X, Triệu Thị P3

và **Trịnh Trạch H**. Các ông đồng ý giao cho ông **T2** nhận hiện vật và ông **T2** sẽ hoàn lại giá trị cho những người còn lại.

*Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Triệu Thị P3** trình bày:*

Trước đây khi xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã xác định đây là tài sản chung của con cháu hai cụ **C2** và cụ **C3** nên bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Công quản lý khối tài sản do ông **Triệu Bình T2** gìn giữ: Tương đương với 30% của giá trị tài sản phân chia, còn lại 70% giá trị tài sản thì chia đều cho 05 người bao gồm: **Triệu Bình T2**, **Triệu Bình L**, **Triệu Pễn X**, **Triệu Thị P3** và **Trịnh Trạch H**. Bà thống nhất giá trị di sản nhà và đất theo đề xuất của bên nguyên đơn là 3.000.000.000 đồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Ngô Văn S** trình bày:*

Ông **Triệu Bình T2** có cho ông thuê phía trước căn nhà tại thửa số 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại **đường T, Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng** để hành nghề hàn tiện. Hình thức thuê trả tiền hàng tháng với giá 1.500.000 đồng. Nếu sau này Tòa án giải quyết phần đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ai và nếu không cho ông tiếp tục thuê thì ông sẽ dọn đi nơi khác. Đồng thời, ông không có ý kiến gì khác việc tranh chấp giữa các bên.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16 /2023/DS-ST ngày 29/3/2023 đã quyết định: Căn cứ vào Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; 649 Điều 650, Điều 651, Điều 660, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho nguyên đơn ông **Trịnh Trạch H** (đã chết) bao gồm: Bà **Cao Thị C**, chị **Trịnh Y H1**, anh **Trịnh Tam H2**, anh **Trịnh Giới B**, anh **Trịnh Giới Đ**, bà **Cao Thị H3**, anh **Trịnh Giới H4**, chị **Trịnh Y T**, anh **Trịnh Giới P** và anh **Trịnh Giới T1**, về việc yêu cầu phân chia di sản là căn nhà và phần đất tại thửa số 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại **số C đường T, Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng** theo quy định của pháp luật.

- Ông Triệu Bình T2, ông Triệu Bình L, ông Triệu Pễn X, bà Triệu Thị P3 mỗi người được nhận 600.000.000 đồng và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho nguyên đơn bao gồm: Bà Cao Thị C, chị Trịnh Y H1, anh Trịnh Tam H2, anh Trịnh Giới B, anh Trịnh Giới Đ, bà Cao Thị H3, anh Trịnh Giới H4, chị Trịnh Y T, anh Trịnh Giới P và anh Trịnh Giới T1 được nhận số tiền 600.000.000 đồng (do anh Trịnh Giới H4 nhận thay cho những người còn lại).

2. Không chấp nhận việc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho nguyên đơn xin nhận hiện vật là căn nhà và đất có diện tích 281,5m² thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại số C đường T, Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Chấp nhận cho bị đơn ông Triệu Bình T2 được nhận căn nhà và đất có diện tích 281,5m² thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại số C đường T, Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

* Phần thửa đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp hộ Liên Hán Xía, có số đo 4,35m + 40,89m + 2,98m + 10,35m.

- Hướng Tây giáp hộ bà Mã Thị T5, có số đo 4,43m + 41,98m + 9,29m + 2,80m.

- Hướng Nam giáp hộ Lai Thị Bích K1, có số đo 4,59m.

- Hướng Bắc giáp đường T, có số đo 4,66m.

Tổng diện tích: 281,5m² (trong đó có 20,5m² thuộc lộ giới).

(Có kèm theo sơ đồ đo đạc)

* Đồng thời, bị đơn ông Triệu Bình T2 được sở hữu tài sản trên đất gồm có: Nhà trước, diện tích: 36,1m². Kết cấu: Nhà tạm, cột gỗ tạp, nền đất, vách tole, mái tole kẽm, đòn tay tre; Nhà sau, diện tích 47,4m². Có kết cấu nhà độc lập, cột gỗ, tường gạch 10cm, nền gạch bông + xi măng, mái tole xi măng, cửa gỗ, không trần; Nhà vệ sinh, diện tích 2,85m². Kết cấu nhà tạm có hầm cầu; Cây trồng trên đất, măng cầu ta: 04 cây loại B, cây dừa: 01 cây loại A và cây nhãn: 02 cây loại C.

3. Buộc ông Triệu Bình T2 có trách nhiệm thanh toán cho ông Triệu Bình L, ông Triệu Pễn X, bà Triệu Thị P3 mỗi người 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) và ông Triệu Bình T2 có trách nhiệm thanh toán cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho nguyên đơn bao gồm: Bà Cao Thị C, chị Trịnh Y H1, anh Trịnh Tam H2, anh Trịnh Giới B, anh Trịnh Giới Đ, bà Cao Thị H3, anh Trịnh Giới H4, chị Trịnh Y T, anh Trịnh Giới P và anh Trịnh Giới T1 số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), số tiền này do anh Trịnh Giới H4 nhận thay cho những người còn lại.

4. Không chấp nhận việc ông **Triệu Bình T2**, ông **Triệu Bình L**, ông **Triệu Pên X** và bà **Triệu Thị P3**, về việc yêu cầu xem xét công quản lý, gìn giữ di sản cho ông **Triệu Bình T2**.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023 ông **Trịnh Giới H4** có đơn kháng cáo yêu cầu phân chia di sản chung của các đồng thừa kế hàng thừa kế thứ nhất gồm 04 người con của ông **C2** và bà **C3** là ông **Triệu Minh L1**, bà **Triệu Khả T4**, **Triệu Khả T3** và bà **Triệu Khả L2** sau đó chia thừa kế theo quy định của pháp luật và yêu cầu được lấy lại căn nhà và đất và trả lại tiền cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa phúc thẩm ông **Trịnh Giới H4** thay đổi một phần nội dung đơn kháng cáo là yêu cầu chia tài sản thừa kế làm hai phần một phần 40 % và một phần 60 %, ông đồng ý nhận 40% và nhận hiện vật ông sẽ giao tiền cho bị đơn và các người liên quan tại phiên tòa.

* Tại phiên tòa phúc thẩm những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn **Trịnh Trạch H** vẫn giữ nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **H4** trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông **H4** chia tài sản thế chấp cho ông **H4** 40 % và giao cho ông **H4** nhận hiện vật.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn **Trịnh Giới H4**, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của ông **Trịnh Giới H4** là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông **Trịnh Giới H4**, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận phần diện tích đất 281,5m², thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại **số C, đường T, Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**, nguồn gốc của cụ **Triệu C2** (chết năm 1965) và cụ **Châu Thị C3** (chết năm 1985). Toàn bộ phần diện tích đất và căn nhà này cụ **C2** và cụ **C3** khi còn sống chưa chia cho ai và cũng không để lại di chúc cho ai phần nhà và đất này. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Hàng thừa kế thứ nhất của cụ **C2** và cụ **C3** bao gồm:

- **Triệu Minh L1** (chết năm 1995). Ông **Triệu Minh L1** có 04 người con: **Triệu Bình T2, Triệu Bình L, Triệu Thị P3** và **Triệu Pên X**.

- **Triệu Khả T3**, sinh năm 1929 (chết năm 2011) không có chồng con.

- **Triệu Khả T4**, sinh năm 1932 (chết năm 1990) không có chồng con.

- **Triệu Khả L2**, sinh năm 1925 (chết năm 2008). Bà **Triệu Thị L3** có một người con là **Trịnh Trạch H**. Như vậy, di sản là nhà, đất của cụ **C2** và cụ **C3** để lại chưa được chia nên là di sản chung của các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ **C2** và cụ **C3** bao gồm: **Triệu Minh L1, Triệu Khả T3, Triệu Khả T4** và **Triệu Khả L2**.

[2.3] Cụ **C3** chết năm 1985 thì thời điểm mở thừa kế của cụ **C3** vào năm 1985, lúc này hàng thừa kế thứ nhất của cụ **C3** bao gồm: **Triệu Minh L1, Triệu Khả T3, Triệu Khả T4** và **Triệu Khả L2**, nhưng **Triệu Khả T3** chết năm 2011 không có chồng con, và **Triệu Khả T4** chết năm 1990 không có chồng con. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của cụ **C3** còn lại là ông **Triệu Minh L1** và bà **Triệu Khả L2**, ông **L1** chết năm 1995 có 04 người con là **Triệu Bình T2, Triệu Bình L, Triệu Thị P3** và **Triệu Pên X**, bà **L2** chết năm 2008 có 01 người con là **Trịnh Trạch H**. Như vậy, các người con của ông **L1** là thừa kế chuyển tiếp của ông **L1** và ông **Trịnh Trạch H** là thừa kế chuyển tiếp của bà **L2**. Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ hàng thừa kế thứ nhất của cụ **C2** và cụ **C3** đã chết thì hàng thừa kế thứ hai bao gồm: Ông **Triệu Bình T2**, ông **Triệu Bình L**, ông **Triệu Pên X**, bà **Triệu Thị P3** (con ông **L1**) và ông **Trịnh Trạch H** (con bà **L2**) mỗi người sẽ hưởng một suất như nhau (chia đều cho 05 người) là không chính xác.

[3] Theo đơn khởi kiện, ông **Trịnh Trạch H** cũng như nội dung đơn kháng cáo của ông **Trịnh Giới H4** yêu cầu chia khối di sản là nhà và đất diện tích 281,5m², tại thửa 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại **số C đường T, Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng** làm 02 phần. Cụ thể là các con của ông **L1** bao gồm: Ông **Triệu Bình T2**, ông **Triệu Bình L**, ông **Triệu Pên X** và bà **Triệu Thị P3** hưởng ½ giá trị di sản và con của bà **L2** là ông **Trịnh Trạch H** hưởng ½

giá trị di sản là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận phần kháng cáo này của ông **Trịnh Trạch H**.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông **H** đã chết và tại phiên tòa, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho ông **H** là anh **Trịnh Giới H4**, đồng thời anh **H4** cũng là người đại diện theo ủy quyền cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bao gồm: Bà **Cao Thị C**, bà **Cao Thị H3**, anh **Trịnh Tam H2**, anh **Trịnh Giới B**, anh **Trịnh Giới Đ**, chị **Trịnh Y T**, anh **Trịnh Giới P** và anh **Trịnh Giới T1** thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Là yêu cầu chia giá trị khối di sản trên theo quy định của pháp luật là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, các bên đương sự đều thống nhất giá trị nhà và đất có tổng giá trị là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), việc thỏa thuận này của đương sự phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

[6] Do đó, phần di sản là nhà và đất tọa lạc tại **số C đường T, Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**, thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại **Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng** được chia như sau: Các con của ông **Triệu Minh L1** gồm: Ông **Triệu Bình T2**, ông **Triệu Bình L**, ông **Triệu Pên X**, bà **Triệu Thị P3** được nhận 01 kỷ phần là: 1.500.000.000 đồng (một người được nhận 375.000.000 đồng) và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho nguyên đơn **Trịnh Trạch H** được nhận một kỷ phần 1.500.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Tuy nhiên, tại phiên Tòa phúc thẩm ông **Trịnh Giới H4** thay đổi một phần nội dung kháng cáo là yêu cầu chia di sản thừa kế làm hai phần, một phần 40 % và một phần 60 %, ông đồng ý nhận phần 40 % với giá trị là 1.200.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn chia cho các con của ông **Triệu Minh L1** là 1.800.000.000 đồng (ông **Triệu Bình T2**, ông **Triệu Bình L**, ông **Triệu Pên X**, bà **Triệu Thị P3** mỗi người một kỷ phần là 450.000.000 đồng), chia cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho nguyên đơn **Trịnh Trạch H** được nhận một kỷ phần 1.200.000.000 đồng, do ông **Trịnh Giới H4** đại diện nhận.

[8] Đối với kháng cáo của ông **Trịnh Giới H4** yêu cầu được lấy lại căn nhà và đất và trả lại tiền cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với phần nhà và đất trên thì từ năm 2011 bị đơn ông T2 đã vào ở và quản lý sử dụng (trong quá trình ở, bị đơn có sửa chữa nhà) cho đến nay. Trong quá trình ở và quản lý, bị đơn có thờ cúng ông bà, phía nguyên đơn ông Trịnh Trạch H lúc còn sống không có ở và cũng như những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng cho nguyên đơn hiện cũng không có sinh sống trong căn nhà và đất nêu trên mà đang sinh sống trên Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trịnh Giới H4 kháng cáo cho rằng ông đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại căn nhà này để yêu cầu được nhận nhà và đất là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo này của ông H4.

[9] Từ những căn cứ như đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trịnh Giới H4, sửa bản án dân sự sơ thẩm như đã phân tích ở phần trên.

[10] Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trịnh Giới H4 là có căn cứ một phần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Trịnh Giới H4 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[13] Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trịnh Giới H4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Trịnh Trạch H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2023/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều

228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho nguyên đơn ông **Trình Trạch H** (đã chết) bao gồm: Bà **Cao Thị C**, chị **Trình Y H1**, anh **Trình Tam H2**, anh **Trình Giới B**, anh **Trình Giới Đ**, bà **Cao Thị H3**, anh **Trình Giới H4**, chị **Trình Y T**, anh **Trình Giới P** và anh **Trình Giới T1**, về việc yêu cầu phân chia di sản là căn nhà và phần đất tại thửa số 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại **số C đường T, Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng** theo quy định của pháp luật.

1. Giao cho bị đơn ông **Triệu Bình T2** được quyền sở hữu căn nhà và đất có diện tích 281,5m² thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại **số C đường T, Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**. Phần thửa đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp hộ Liên Hán Xía, có số đo 4,35m + 40,89m + 2,98m + 10,35m.
- Hướng Tây giáp hộ bà **Mã Thị T5**, có số đo 4,43m + 41,98m + 9,29m + 2,80m.
- Hướng Nam giáp hộ **Lai Thị Bích K1**, có số đo 4,59m.
- Hướng Bắc giáp **đường T**, có số đo 4,66m.

Tổng diện tích: 281,5m² (trong đó có 20,5m² thuộc lộ giới).

(Có kèm theo sơ đồ đo đạc)

Đồng thời, ông **T2** được sở hữu các cây trồng trên đất: Mãng cầu ta: 04 cây loại B, cây dừa: 01 cây loại A và cây nhãn: 02 cây loại C.

2. Buộc ông **Triệu Bình T2** có trách nhiệm thanh toán cho ông **Triệu Bình L**, ông **Triệu Pên X**, bà **Triệu Thị P3** mỗi người 450.000.000 đồng và ông **Triệu Bình T2** có trách nhiệm thanh toán cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho nguyên đơn bao gồm: Bà **Cao Thị C**, chị **Trình Y H1**, anh **Trình Tam H2**, anh **Trình Giới B**, anh **Trình Giới Đ**, bà **Cao Thị H3**, anh **Trình Giới H4**, chị **Trình Y T**, anh **Trình Giới P** và anh **Trình Giới T1** số tiền 1.200.000.000 đồng, số tiền này do anh **Trình Giới H4** nhận thay cho những người còn lại. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận việc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho nguyên đơn xin nhận hiện vật là căn nhà và đất có diện tích 281,5m² thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại số C đường T, Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

4. Không chấp nhận việc ông Triệu Bình T2, ông Triệu Bình L, ông Triệu Pên X và bà Triệu Thị P3, về việc yêu cầu xem xét công quản lý, gìn giữ di sản cho ông Triệu Bình T2.

5. Chi phí thẩm định, định giá: Tổng chi phí là 5.966.900 đồng, ông Triệu Bình T2, Triệu Bình L, ông Triệu Pên X, bà Triệu Thị P3 mỗi người phải chịu 746.000 đồng và các người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H phải nộp 2.983.450 đồng do nguyên đơn Trịnh Trạch H đã nộp tạm ứng trước. Do đó, ông Triệu Bình T2, Triệu Bình L, ông Triệu Pên X và bà Triệu Thị P3 mỗi người phải nộp 746.000 đồng để hoàn trả cho các người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H, do Trịnh Giới H4 nhận thay.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được miễn, không phải nộp.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Giới H4 không phải chịu, ông H4 được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007889 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

8. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thành

